

BỘ 10 ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ 8 CÓ ĐÁP ÁN**1. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 1****TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN****ĐỀ THI HỌC KÌ 1****MÔN ĐỊA LÍ 8****NĂM HỌC 2020 – 2021****Thời gian: 45 phút****I- Phần trắc nghiệm****Câu 1.** Châu Á là châu lục có diện tích rộng thứ mấy trên thế giới?

- A. thứ nhất Thế giới.
- B. thứ hai Thế giới.
- C. thứ ba Thế giới.
- D. thứ tư Thế giới.

Câu 2. Quốc gia nào sau đây nằm trong đới khí hậu xích đạo?

- A. Trung Quốc
- B. Ấn Độ
- C. Việt Nam
- D. In-đô-nê-xi-a

Câu 3. Đới cảnh quan tự nhiên nào phổ biến ở Bắc Á?

- A. xavan và cây bụi
- B. đài nguyên
- C. thảo nguyên
- D. cảnh quan núi cao

Câu 4. Thành phố nào sau đây lớn nhất châu Á?

- A. Xơ un (Hàn Quốc)
- B. Bắc kinh (Trung Quốc)
- C. Tô ky ô (Nhật Bản)
- D. Mum bai (Ấn Độ)

Câu 5. Ở Đông Nam Á về mùa hạ từ trung tâm áp cao nào đến áp thấp nào?

- A. Từ áp cao Nam Ô xtrây li a đến áp thấp I ran.
- B. Từ áp cao Ô xtrây li a đến áp thấp A lê út.
- C. Từ áp cao Ha oai đến áp thấp I ran.
- D. Từ áp cao Ô xtrây li a đến áp thấp Xích đạo.

Câu 6. Châu Á có tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số như thế nào?

- A. Cao hơn mức trung bình năm của thế giới.
- B. Thấp hơn mức trung bình năm của thế giới.
- C. Bằng mức trung bình năm của thế giới.
- D. Cao gấp đôi mức trung bình năm của thế giới

Câu 7. Nhận định nào không đúng với nền kinh tế các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai?

- A. Số quốc gia nghèo khổ chiếm tỉ lệ thấp.
- B. Sự phát triển giữa các nước và vùng lãnh thổ không đều.
- C. Có nhiều chuyển biến mạnh mẽ.
- D. Số quốc gia nghèo khổ chiếm tỉ lệ cao.

Câu 8. Dựa vào nguồn tài nguyên nào mà một số nước Tây nam Á trở thành những nước có đời sống cao?

- A. Kim cương
- B. Quặng đồng
- C. Dầu mỏ
- D. Than đá

Câu 9. Quốc gia nào khu vực Tây Nam Á có dầu mỏ lớn nhất?

- A. Irac
- B. Cô-oet
- C. Ả Rập-Xê ut
- D. I ran

Câu 10. Đặc điểm nào không đúng với phần đất liền của khu vực Đông Á?

- A. Có các bồn địa rộng, nhiều dãy núi cao đồ sộ.
- B. Có nhiều núi, sơn nguyên cao hiểm trở.
- C. Là vùng đồi núi thấp xen các đồng bằng rộng.
- D. Là vùng núi trẻ thường xảy ra động đất và núi lửa.

Phần tự luận

Câu 1 (3 điểm). Hãy trình bày các đặc điểm về vị trí địa lí, kích thước của lãnh thổ châu Á và ý nghĩa của chúng đối với khí hậu?

Câu 2 (2 điểm). Giải thích tại sao khu vực Nam Á có sự phân bố dân cư không đều?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu tương ứng với 0,5 điểm)

Câu 1. Châu Á là châu lục rộng nhất thế giới. Diện tích phần đất liền khoảng 41,5 triệu km², chiều dài từ bắc đến nam là 8500 km, chiều rộng từ tây sang đông nơi lãnh thổ rộng nhất là 9200 km.

Chọn: A.

Câu 2. In-đô-nê-xi-a là quốc gia duy nhất nằm ở châu Á có khí hậu xích đạo (xem lược đồ các đới khí hậu châu Á SGK/7).

Chọn: D.

Câu 3. Đới cảnh quan tự nhiên phổ biến ở Bắc Á là đài nguyên (xem lược đồ các đới cảnh quan tự nhiên châu Á SGK/11).

Chọn: B.

Câu 4. Tokyo là thành phố lớn nhất châu Á và Tokyo là thành phố của đô la, cảm giác. Tokyo được xếp vào những thành phố lớn nhất thế giới trong nhiều thế kỷ này. Điều này cũng dễ dàng thấy được qua cách quản lý thông minh hiệu quả trong hầu hết các lĩnh vực như: phân phối dịch vụ, giáo dục đào tạo, giao thông,...

Chọn: C.

Câu 5. Ở Đông Nam Á về mùa hạ từ trung tâm áp cao Nam Ô-xtrây-li-a đến áp thấp I Ran.

Chọn: A.

Câu 6. Châu Á có tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số bằng với mức trung bình năm của thế giới.

Chọn: C.

Câu 7. Nền kinh tế các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai có nhiều chuyển biến mạnh mẽ.

Chọn: C.

Câu 8. Dựa vào nguồn tài nguyên dầu mỏ, khí đốt mà một số nước Tây nam Á trở thành những nước có đời sống cao như Ả Rập-Xê ut, I ran, Cô-oet,...

Chọn: C.

Câu 9. Ả Rập-Xê ut là quốc gia có dầu mỏ lớn nhất khu vực Tây Nam Á.

Chọn: C.

Câu 10. Đông Nam Á phần hải đảo là vùng núi trẻ thường xảy ra động đất và núi lửa.

Chọn: D.

II. TỰ LUẬN

Câu 1.

- Đặc điểm vị trí địa lí: Châu Á tiếp giáp với hai châu lục lớn là châu Âu và châu Phi, tiếp giáp với ba đại dương là Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương. (1 điểm)

- Về kích thước:

+ Phần đất liền: Điểm cực Bắc là $77^{\circ}44' B$, điểm cực Nam là $1^{\circ}16' B$. (0,5 điểm)

+ Châu Á là châu lục rộng nhất thế giới. Diện tích phần đất liền khoảng 41,5 triệu km^2 , nếu tính cả diện tích các đảo phụ thuộc thì rộng khoảng 44,4 triệu km^2 ; chiều dài từ bắc đến nam là 8500 km, chiều rộng từ tây sang đông nơi lãnh thổ rộng nhất là 9200 km. (0,5 điểm)

- Ý nghĩa của vị trí và kích thước tới khí hậu: Do lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc tới Xích đạo làm cho lượng bức xạ Mặt Trời phân bố không đều nên châu Á có nhiều đới khí hậu. Lãnh thổ rộng lớn, ảnh hưởng của biển và bức chắn địa hình của các dãy núi, sơn nguyên đã làm cho khí hậu châu Á có sự phân hoá. (1 điểm)

Câu 2.

- Do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên: Khu vực đồng bằng sông Hằng, sông Ấn và các đồng bằng ven biển có địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ, khí hậu thuận lợi cho sản xuất nên dân cư tập trung đông đúc. Ngược lại các khu vực sơn nguyên, miền núi và hoang mạc khí hậu khô khan, đất đai để sản xuất hạn chế, địa hình đi lại khó khăn nên dân cư thưa thớt. (1 điểm)

- Do các điều kiện về kinh tế - xã hội: Dân cư thường tập trung đông đúc ở các khu vực có sự tiện lợi về giao thông, cơ sở vật chất kĩ thuật,... ở các cảng biển, đô thị và các trung tâm công nghiệp. (0,5 điểm)

- Do lịch sử định cư và khai thác lãnh thổ: Đồng bằng sông Hằng và Đồng bằng sông Ấn có lịch sử định cư và khai thác lãnh thổ lâu đời, đây là một trong những cái nôi văn minh cổ của thế giới. (0,5 điểm)

2. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 2

TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Vào cuối thế kỉ XIX, Nhật Bản là nước duy nhất ở châu Á thoát khỏi tình cảnh trở thành thuộc địa của các nước thực dân phương Tây vì:

- A. Nhờ cuộc cải cách Minh Trị (1868) mở rộng quan hệ với các nước tư bản phương Tây, giải phóng mọi ràng buộc lỗi thời của chế độ phong kiến, làm cho kinh tế phát triển.
- B. Nhờ chính sách hoà hoãn của chính phủ Nhật Bản với các nước tư bản phương Tây.
- C. Nhật Bản đem quân tấn công các nước thực dân phương Tây và giành thắng lợi.
- D. Nhật Bản là một quốc đảo, ít khoáng sản, nhiều thiên tai nên các nước thực dân phương Tây không xâm lược.

Câu 2. Thu nhập bình quân đầu người của Nhật Bản là 33.400USD/người, của Lào là 317USD/người (2001), vậy mức thu nhập bình quân của Nhật Bản cao hơn Lào số lần là:

- A. 100,2 lần.
- B. 102,3 lần.
- C. 105,4 lần.
- D. 107,5 lần.

Câu 3. Những nước có mức độ công nghiệp hoá khá cao và nhanh như Hàn Quốc, Đài Loan,... được gọi là:

- A. Nước có nền kinh tế - xã hội phát triển toàn diện.

- B. Nước công nghiệp mới.
- C. Nước nông - công nghiệp.
- D. Nước nông nghiệp.

Câu 4. Một trong những đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của các nước và lãnh thổ châu Á hiện nay là:

- A. Hầu hết các nước có nền kinh tế phát triển khá cao.
- B. Có nhiều quốc gia có mức thu nhập cao so với thế giới.
- C. Các quốc gia có mức thu nhập thấp, đời sống nhân dân nghèo khổ còn chiếm tỉ lệ cao.
- D. Nền kinh tế các nước đều bị kiệt quệ, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ.

Câu 5. Trung Quốc có thể trồng được cả lúa gạo và lúa mì vì:

- A. Trung Quốc là một đất nước rộng lớn.
- B. Trung Quốc là một quốc gia đông dân.
- C. Lúa gạo và lúa mì đều có nguồn gốc từ Trung Quốc.
- D. Phía Đông Trung Quốc có khí hậu cận nhiệt gió mùa nóng ẩm, địa hình đồng bằng, đất đai màu mỡ phù hợp với cây lúa gạo, còn phía Tây Trung Quốc có khí hậu cận nhiệt lục địa khô hơn, địa hình sơn nguyên cao thích nghi với cây lúa mì.

Câu 6. Một trong những loại cây trồng phổ biến ở các quốc gia khu vực Đông Nam Á là:

- A. Cà phê.
- B. Lúa mì.
- C. Dừa.
- D. Bông.

Câu 7. Ở khu vực Bắc Á, vật nuôi chủ yếu là tuần lộc vì:

- A. Tuần lộc thích nghi với địa hình cao ở khu vực Bắc Á.
- B. Loài tuần lộc thích nghi với điều kiện khí hậu rất giá lạnh ở khu vực Bắc Á.
- C. Loài tuần lộc thường sinh sống chủ yếu ở vùng ven biển (khu vực Bắc Á có đường bờ biển dài).
- D. Khu vực Bắc Á có nhiều sông lớn cung cấp nguồn nước cho loài tuần lộc.

Câu 8. Năm 1998, Ả-rập Xê-Út có sản lượng khai thác dầu mỏ đạt 431,12 triệu tấn, tiêu dùng trong nước hết 92,4 triệu tấn. Vậy, sản lượng xuất khẩu dầu mỏ của Ả-rập Xê-Út chiếm bao nhiêu % tổng sản lượng khai thác?

- A. 21,4%.
- B. 78,6%.

- C. 0,05%.
- D. 99,95%.

Câu 9. Một trong những đặc điểm của sản xuất công nghiệp ở các nước châu Á hiện nay là:

- A. Rất phát triển.
- B. Lạc hậu, thiếu máy móc, trang thiết bị tiên tiến.
- C. Công nghiệp khai khoáng phát triển ở nhiều nước, tạo nguồn nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất trong nước và xuất khẩu.
- D. Phát triển ngành công nghiệp hoá chất ở hầu hết các nước.

Câu 10. Dạng địa hình chủ yếu của khu vực Tây Nam Á là:

- A. Đồng bằng.
- B. Sơn nguyên và núi cao.
- C. Bồn địa.
- D. Núi lửa.

Câu 11. Trên bán đảo A-ráp của khu vực Tây Nam Á có khí hậu khô hạn vì:

- A. Do vị trí nằm ở ven biển.
- B. Do vị trí nằm ở vùng vĩ độ cao.
- C. Do vị trí có đường chí tuyến Bắc đi qua phần mở rộng của bán đảo này.
- D. Do có nhiều dòng biển lạnh chảy qua.

Câu 12. Tài nguyên khoáng sản phong phú nhất ở khu vực Tây Nam Á là:

- A. Dầu mỏ.
- B. Vàng.
- C. U-ra-ni-um.
- D. Than đá.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Trình bày khái quát đặc điểm phát triển kinh tế của đất nước Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Câu 2 (2,0 điểm).

Chứng minh châu Á là châu lục có số dân đông nhất thế giới. Giải thích nguyên nhân?

Câu 3 (3,0 điểm).

Trình bày khái quát đặc điểm phát triển kinh tế của đất nước Trung Quốc từ năm 1978 đến nay.

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1 - A	2 - C	3 - B	4 - C	5 - D	6 - C
7 - B	8 - A	9 - C	10 - B	11 - C	12 - A

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1.

- Từ sau năm 1945, Nhật Bản tập trung khôi phục và phát triển kinh tế. Ngày nay Nhật Bản là cường quốc kinh tế đứng thứ hai thế giới sau Mỹ.
- Trong quá trình phát triển Nhật đã tổ chức lại nền kinh tế phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn phục vụ xuất khẩu.
- Các ngành công nghiệp hàng đầu thế giới của Nhật Bản là:
- Công nghiệp chế tạo ô tô, tàu biển.
- Công nghiệp điện tử... chế tạo các thiết bị điện tử, máy tính...
- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: đồng hồ, máy ảnh...

Nhờ những thành tựu trong sản xuất công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ... mà thu nhập của người Nhật rất cao. Bình quân đầu người năm 2001 đạt 33.400 USD.

Câu 2:

- Châu Á là châu lục có số dân đông nhất thế giới. Năm 2002 dân số châu Á là hơn 3,7 tỉ/người (trong đó Trung Quốc hơn 1,3 tỉ) chiếm tới 61% dân số thế giới, trong khi đó diện tích chỉ chiếm 23,4% diện tích thế giới.
- Tỷ lệ gia tăng tự nhiên cao 1,4% đứng thứ hai thế giới chỉ sau châu Phi (2,4%) ngang bằng với tỷ lệ gia tăng tự nhiên của thế giới.

Nguyên nhân:

- Do châu Á có diện tích rộng lớn lại là nơi tập trung nhiều đồng bằng có diện tích rộng và đất đai màu mỡ, tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- Do chính sách dân số của nhiều nước không hợp lí dẫn đến bùng nổ dân số ở một số nước châu Á.
- Di dân tự do cũng là nguyên nhân làm gia tăng dân số châu Á.

Câu 3.

- Trung Quốc là nước đông dân. Nhờ chính sách cải cách và mở cửa, phát huy được nguồn lao động dồi dào, nguồn tài nguyên phong phú nên trong vòng 20 năm trở lại đây nền kinh tế Trung Quốc đã có những thay đổi lớn lao.
- Thành tựu quan trọng nhất của nền kinh tế Trung Quốc trong mấy chục năm qua là:
- Nền nông nghiệp phát triển nhanh và tương đối toàn diện, nhờ đó giải quyết tốt vấn đề lương thực cho gần 1,3 tỉ người.
- Phát triển nhanh chóng một nền công nghiệp hoàn chỉnh, trong đó có một số ngành công nghiệp hiện đại như điện tử, cơ khí chính xác, nguyên tử, hàng không vũ trụ.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, sản lượng nhiều ngành như lương thực, than, điện năng đứng hàng đầu thế giới.

3. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 3

TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Khu vực Tây Nam Á có tỉ lệ dân thành thị cao (chiếm 80 - 90% dân số) vì:

- A. Nông nghiệp kém phát triển trong khi đó ngành công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ lại phát triển.
- B. Chủ yếu là khách du lịch đến tham quan.
- C. Ngành dịch vụ phát triển đem lại cơ hội tìm kiếm việc làm.
- D. Chính phủ tạo điều kiện sống tốt cho dân cư ở thành thị.

Câu 2. Ngày nay, ngành nông nghiệp của các nước khu vực Tây Nam Á kém phát triển vì:

- A. Diện tích núi cao chiếm tỉ lệ nhỏ so với toàn bộ khu vực.
- B. Hạng rất giá lạnh, đặc biệt là vào mùa đông mặt đất luôn đóng băng.
- C. Chính phủ chỉ quan tâm đến việc phát triển sản xuất công nghiệp và thương mại.
- D. Khí hậu khô hạn, diện tích đồng bằng nhỏ, đất đai kém màu mỡ

Câu 3. Một trong những khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội của các nước khu vực Tây Nam Á là:

- A. Dân số đông.
- B. Xung đột giữa các dân tộc trong và ngoài khu vực.
- C. Vị trí cầu nối giữa ba châu lục: Á, Phi, Âu.

D. Nhiều tài nguyên dầu mỏ.

Câu 4 : Các dạng địa hình chính của khu vực Nam Á theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là:

- A. Dãy Hi-ma-lay-a, sơn nguyên Đê-can, đồng bằng Ấn - Hằng.
- B. Dãy Hi-ma-lay-a, đồng bằng Ấn - Hằng, sơn nguyên Đê-can.
- C. Đồng bằng Ấn - Hằng, dãy Hi-ma-lay-a, sơn nguyên Đê-can.
- D. Sơn nguyên Đê-can, đồng bằng Ấn - Hằng, dãy Hi-ma-lay-a.

Câu 5. Địa điểm Se-ra-pun-di ở khu vực Nam Á có nhiệt độ tháng thấp nhất là 12°C , tháng cao nhất là 20°C , lượng mưa trung bình năm là 11000mm, vậy khí hậu ở Se-ra-pun-di có đặc điểm là:

- A. Đông ẩm, hạ nóng, mưa nhiều.
- B. Đông rất lạnh, có tuyết rơi, hạ mát, mưa rất nhiều.
- C. Đông lạnh, hạ không nóng lắm, mưa rất nhiều.
- D. Đông ẩm, hạ mát, mưa tương đối nhiều.

Câu 6. Sự phân bố lượng mưa ở khu vực Nam Á phụ thuộc vào:

- A. Hướng chảy của các con sông.
- B. Vị trí gần hay xa Xích đạo.
- C. Hình dạng của khu vực và đường bờ biển cắt xẻ ít hay nhiều.
- D. Vị trí gần hay xa biển, hướng gió và độ cao địa hình.

Câu 7. Hướng gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông thổi ở khu vực Nam Á là:

- A. Tây Nam và Đông Bắc
- B. Tây Bắc và Đông Nam.
- C. Đông Bắc và Tây Nam.
- D. Đông Nam và Tây Bắc.

Câu 8. Ở sườn phía Nam của dãy Hi-ma-lay-a có lượng mưa rất lớn nhưng ở sườn phía Bắc thì lại rất khô hạn (lượng mưa trung bình năm $< 100\text{mm/năm}$) vì:

- A. Sườn phía Bắc nằm ở vùng vĩ độ cao, lạnh nên ít mưa.
- B. Dãy Hi-ma-lay-a cao nên chắn gió Tây Nam gây mưa nhiều ở sườn Nam, khi sang đến sườn Bắc gió yếu đi, lượng mưa giảm rõ rệt.
- C. Sườn phía Bắc nằm ở ven biển, có dòng biển lạnh chảy qua.
- D. Sườn phía Nam nằm ở ven biển, có dòng biển nóng chảy qua

Câu 9. Một địa điểm ở khu vực Nam Á có nhiệt độ tháng thấp nhất là 25°C , tháng cao nhất là 29°C , lượng mưa trung bình năm 1 3.000mm, vậy địa điểm này nằm ở vị trí:

- A. Sâu bên trong lục địa, trên sơn nguyên Đê-can.
- B. Phía Tây Bắc khu vực, nơi có hoang mạc Tha
- C. Đồng bằng ven biển phía Tây của khu vực, trong vành đai nhiệt đới.
- D. Phía Đông Bắc khu vực, nằm ở sườn phía Nam dãy Hi-ma-lay-a.

Câu 10. Khu vực Nam Á cùng vĩ độ với Việt Nam nhưng lại có mùa đông ấm hơn vì:

- A. Khu vực Nam Á có đường bờ biển dài hơn.
- B. Khu vực Nam Á có dạng hình khối còn lãnh thổ Việt Nam có bề ngang hẹp.
- C. Khu vực Nam Á chịu ảnh hưởng bởi gió mùa Tây Nam nên nóng hơn về mùa hạ và ấm hơn về mùa đông.
- D. Dãy Hi-ma-lay-a cao nên có tác dụng chắn khối không khí lạnh từ Trung Á tràn xuống làm cho Nam Á ấm hơn về mùa đông.

Câu 11. Khu vực Nam Á có diện tích là 4.489 nghìn km², dân số là 356 triệu người (2001), vậy mật độ dân số khu vực Nam Á là:

- A. 302 người/km².
- B. 30,2 người/km².
- C. 203 người/km²
- D. 3,31 người/km²

Câu 12. Dân cư khu vực Nam Á thường tập trung sinh sống ở ven biển và vùng đồng bằng Ấn - Hằng vì:

- A. Ở những khu vực này có địa hình cao, thuận lợi cho việc chăn nuôi gia súc lớn.
- B. Ở những khu vực này đông dân cư, có nhiều đô thị lớn.
- C. Ở những khu vực này có mưa nhiều, đất đai màu mỡ, địa hình bằng phẳng thuận lợi cho giao thông và phát triển kinh tế.
- D. Ở những khu vực này có nhiều tài nguyên rừng thuận lợi cho việc phát triển ngành khai thác

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Cho biết trong sản xuất công nghiệp, Nhật Bản có những ngành nào nổi tiếng đứng đầu thế giới?

Câu 2 (2,0 điểm).

Hãy nêu đặc điểm gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông của khu vực Đông Nam Á?

Câu 3 (3,0 điểm).

Vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á theo số liệu dưới đây:

(Đơn vị :triệu người)

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân	600	880	1402	2100	3110	3766

*(Chưa tính số dân của Liên bang Nga thuộc châu Á.)

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1 - A	2 - D	3 - B	4 - B	5 - C	6 - D
7 - A	8 - B	9 - C	10 - D	11 - A	12 - C

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1.

Các ngành công nghiệp đứng hàng đầu thế giới của Nhật Bản:

- Công nghiệp chế tạo ô tô, tàu biển.
- Công nghiệp điện tử: chế tạo các thiết bị điện tử, máy tính điện tử, người máy công nghiệp...
- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: đồng hồ, máy ảnh, xe máy, máy giặt, máy lạnh...

Câu 2.

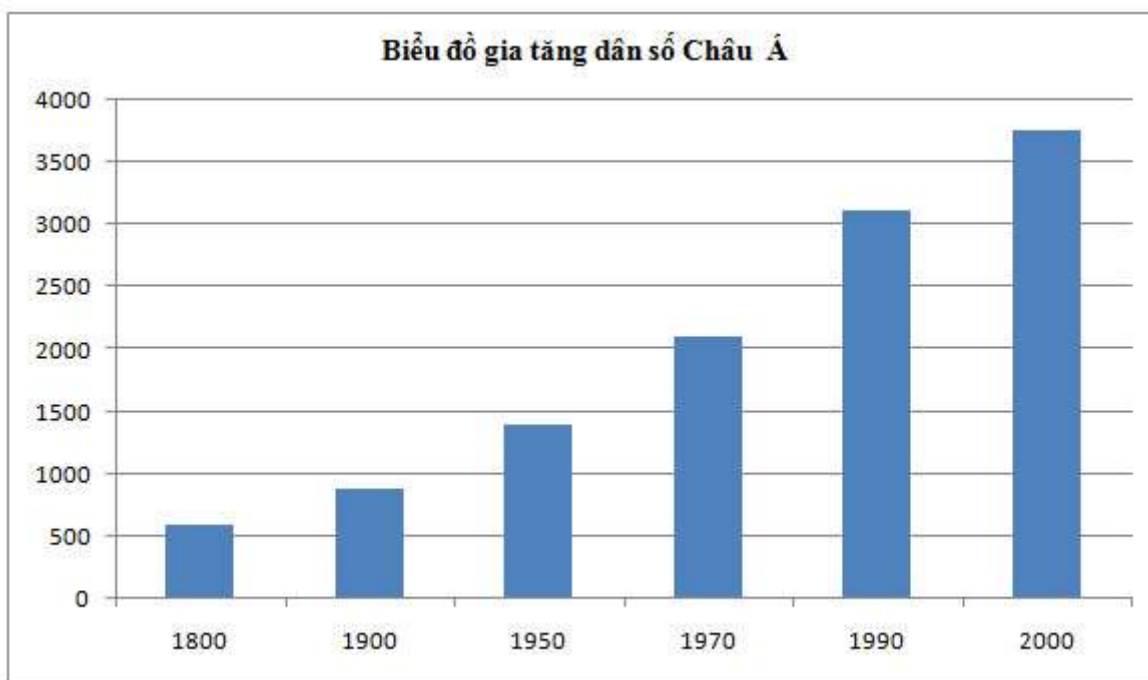
Đặc điểm gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông của khu vực Đông Nam Á:

Gió mùa mùa hạ: xuất phát từ vùng áp cao của nửa cầu Nam thổi theo hướng Đông Nam, vượt qua xích đạo và đổi hướng thành gió Tây Nam nóng ẩm, mang lại nhiều mưa cho khu vực.

Gió mùa mùa đông: xuất phát từ vùng áp cao Xi-bia thổi về vùng áp thấp Xích đạo với đặc tính khô và lạnh.

Câu 3.

Vẽ biểu đồ.



b. Nhận xét:

Dân số châu Á tăng nhanh qua các năm: từ 600 triệu người (năm 1800) đến 3.766 triệu người (năm 2002), tăng 3.166 triệu người.

Giai đoạn đầu dân số tăng chậm, càng về sau dân số tăng càng nhanh: Từ năm 1800 đến năm 1900 chỉ tăng 280 triệu người trong vòng 100 năm, 50 năm tiếp theo từ 1900 đến 1950 tăng 522 triệu người, nhưng chỉ trong vòng 40 năm sau dân số tăng thêm 1708 triệu người, đặc biệt dân số tăng nhanh trong giai đoạn 1990 - 2002 chỉ trong 12 năm mà tăng thêm 656 triệu người.

4. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 4

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ THẬP

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Hướng gió mùa mùa hạ ở Đông Á là:

- A. Tây Bắc - Đông Nam.
- B. Đông Bắc - Tây Nam.
- C. Tây Đông Nam - Tây Bắc.
- D. Nam - Đông Bắc.

Câu 2. Hướng gió mùa mùa hạ ở Đông Nam Á và Nam Á là:

- A. Đông Nam Á hướng Đông Bắc - Tây Nam, Nam Á hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- B. Đông Nam Á hướng Tây Nam - Đông Bắc, Nam Á hướng Tây Nam - Đông Bắc.
- C. Đông Nam Á hướng Tây Nam - Đông Bắc, Nam Á hướng Đông Bắc - Tây Nam.
- D. Đông Nam Á hướng Tây Bắc - Đông Nam, Nam Á hướng Tây Nam - Đông Bắc.

Câu 3. Hướng gió mùa mùa đông ở khu vực Đông Á là:

- A. Tây Bắc - Đông Nam.
- B. Đông Nam - Tây Bắc.
- C. Đông Bắc - Tây Nam.
- D. Tây Nam - Đông Bắc.

Câu 4. Năm 2002, châu Á có số dân đông nhất thế giới và:

- A. Tỷ lệ tăng tự nhiên cao nhất thế giới.
- B. Tỷ lệ tăng tự nhiên cao thứ nhì thế giới.
- C. Tỷ lệ tăng tự nhiên cao thứ ba thế giới.
- D. Tỷ lệ tăng tự nhiên cao thứ tư thế giới.

Câu 5. Chủng tộc Môn-gô-lô-it ở châu Á phân bố tập trung ở các khu vực:

- A. Tây Nam Á, Trung Á, Đông Á.
- B. Trung Á, Nam Á, Đông Nam Á.
- C. Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á.
- D. Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á.

Câu 6. Châu Á có số dân đông nhất thế giới vì:

- A. rộng lớn, đất đai màu mỡ phì nhiêu.
- B. Châu Á có nhiều Châu Á tiếp giáp với châu Âu và châu Phi.
- C. Châu Á tiếp giáp với ba đại dương lớn, có đường bờ biển dài.
- D. Châu Á có nhiều đồng bằng chủng tộc.

Câu 7. Dân cư châu Á chủ yếu tập trung ở những khu vực có đồng bằng màu mỡ là:

- A. Tây Á, Bắc Á và Đông Bắc Á.
- B. Trung Á, Tây Á và Tây Nam Á.
- C. Bắc Á, Trung Á và Tây Nam Á.
- D. Nam Á, Đông Á và Đông Nam Á.

Câu 8. Thành phố có số dân cao nhất các nước châu Á là:

- A. Tô-ki-ô của Nhật Bản.
- B. Xơ-un của Hàn Quốc.
- C. Bắc Kinh của Trung Quốc.
- D. Niu Đê-li của Ấn Độ.

Câu 9. Diện tích châu Á là 44,4 triệu km², dân số châu Á năm 2002 là 3.766 triệu người, vậy mật độ dân số trung bình là:

- A. 85 người/km².
- B. 10 người/km².
- C. 75 người/km².
- D. 50 người/km².

Câu 10. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á thời Cổ đại và Trung đại là:

- A. Kinh tế chậm phát triển do kĩ thuật lạc hậu.
- B. Đạt trình độ phát triển cao của thế giới về sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp.
- C. Đạt trình độ phát triển cao về sản xuất công nghiệp.
- D. Kinh tế chậm phát triển do chiến tranh.

Câu 11. Một trong những sản phẩm nổi tiếng thời cổ đại và trung đại của khu vực Tây Nam Á là:

- A. Thảm len.
- B. Gia vị và hương liệu,
- C. Tơ lụa.
- D. Vải bông.

Câu 12. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, nền kinh tế các nước châu Á phát triển chậm lại và lâm vào tình trạng kiệt quệ vì:

- A. Không áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất.
- B. Xảy ra khủng hoảng kinh tế.
- C. Chính trị không ổn định, xảy ra nội chiến liên miên.
- D. Chính sách khai thác, bóc lột thuộc địa của các nước thực dân phương Tây cùng với chế độ phong kiến trong nước thối nát.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm).

Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở 1 số nước châu Á năm 2001:

Các nước	Cơ cấu GDP (%)			GDP/người	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ		
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	33.400	cao
Cô-oét	0,2	58,0	41,8	19.040	cao
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	415	thấp
Lào	53,0	22,7	24,3	317	thấp

Hãy:

So sánh giá trị nông nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GDP của các nước có mức thu nhập cao với các nước có mức thu nhập thấp.

Nêu mối quan hệ giữa giá trị nông nghiệp và dịch vụ với bình quân GDP theo đầu người.

Câu 2: (4 điểm)

Trình bày khái quát đặc điểm phát triển kinh tế của đất nước Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1 - A	2 - B	3 - A	4 - C	5 - C	6 - C
7 - D	8 - A	9 - A	10 - B	11 - A	12 - D

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1.

So sánh:

Các nước có thu nhập cao: Giá trị nông nghiệp trong cơ cấu GDP thấp, còn giá trị ngành dịch vụ cao.

Các nước có thu nhập thấp: Giá trị nông nghiệp trong cơ cấu GDP cao, còn giá trị ngành dịch vụ thấp.

Mối quan hệ:

Những nước có tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP cao thì có bình quân GDP theo đầu người thấp (như Việt Nam, Lào).

Những nước có tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP thấp có bình quân GDP theo đầu người cao (như Nhật Bản và Cô-oét).

Câu 2.

- Từ sau năm 1945, Nhật Bản tập trung khôi phục và phát triển kinh tế. Ngày nay Nhật Bản là cường quốc kinh tế đứng thứ hai thế giới sau Mỹ.

- Trong quá trình phát triển Nhật đã tổ chức lại nền kinh tế phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn phục vụ xuất khẩu.

- Các ngành công nghiệp hàng đầu thế giới của Nhật Bản là:

+ Công nghiệp chế tạo ô tô, tàu biển.

+ Công nghiệp điện tử: chế tạo các thiết bị điện tử, máy tính...

+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: đồng hồ, máy ảnh...

Nhờ những thành tựu trong sản xuất công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ... mà thu nhập của người Nhật rất cao. Bình quân đầu người năm 2001 đạt 33.400 USD.

5. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 5

TRƯỜNG THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Kiểu khí hậu lục địa khô hạn ở châu Á có đặc điểm chung là:

A. Mùa đông lạnh khô, mùa hạ nóng ẩm.

B. Mùa đông lạnh có mưa, mùa hạ khô nóng,

C. Quanh năm nóng ẩm.

D. Mùa đông lạnh khô, mùa hạ nóng khô.

Câu 2. Các quốc gia nằm trong khu vực khí hậu gió mùa châu Á là:

A. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

B. Hàn Quốc, Nhật Bản, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a.

C. Thái Lan, Mi-an-ma, Việt Nam, Lào.

D. Thái Lan, Mi-an-ma, Trung Quốc, Cam-pu-chia.

Câu 3. Biểu đồ khí hậu của Y-an-gun có mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa cả năm đạt 2.750mm, nhiệt độ trung bình năm trên 25°C được xếp vào kiểu khí hậu:

- A. Cận nhiệt gió mùa.
- B. Xích đạo gió mùa.
- C. Ôn đới gió mùa.
- D. Nhiệt đới gió mùa.

Câu 4. Châu Á có hoang mạc và bán hoang mạc phát triển mạnh ở:

- A. Tây Nam Á và vùng nội địa.
- B. Tây Nam Á và Nam Á.
- C. Vùng nội địa và Đông Nam Á.
- D. Bắc Á và Đông Á.

Câu 5. Các sông lớn ở Bắc Á và Đông Á đổ ra các đại dương:

- A. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương.
- B. Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương,
- C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- D. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

Câu 6. Do ảnh hưởng của chế độ mưa gió mùa nên sông ngòi ở Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á có:

- A. Lượng nước lớn nhất vào mùa xuân, cạn nhất vào mùa thu.
- B. Lượng nước lớn nhất vào mùa hạ, cạn nhất vào mùa đông.
- C. Lượng nước lớn nhất vào cuối hạ đầu thu, cạn nhất vào cuối đông đầu xuân.
- D. Lượng nước lớn nhất vào cuối hạ đầu thu, cạn nhất vào cuối xuân đầu hạ.

Câu 7. Các cảnh quan phân bố ở khu vực khí hậu gió mùa là:

- A. Rừng nhiệt đới ẩm, xavan và cây bụi.
- B. Thảo nguyên, rừng hỗn hợp.
- C. Hoang mạc, rừng lá kim.
- D. Thảo nguyên, hoang mạc.

Câu 8: Sông dài nhất châu Á (6.300km) là:

- A. Sông Trường Giang.
- B. Sông Mê Kông.
- C. Sông Ô-bi.
- D. Sông Hằng.

Câu 9. Nói địa hình núi cao chiếm phần lớn diện tích gây khó khăn cho dân cư châu Á vì:

- A. Địa hình núi cao gây khó khăn cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp.
- B. Địa hình núi cao gây khó khăn cho việc đi lại, giao lưu giữa các vùng.
- C. Địa hình núi cao là nơi thường xảy ra các thiên tai như động đất, núi lửa.
- D. Địa hình núi cao thường là nơi có khí hậu lạnh giá, khắc nghiệt

Câu 10. Về mùa đông ở châu Á có trung tâm áp cao:

- A. Aixơ-len. B. A-lê-út.
- C. A-xo. D. Xi-bia.

Câu 11: Hướng gió mùa mùa đông ở Đông Nam Á và Nam Á là:

- A. Nam Á hướng Tây Bắc - Đông Nam và Nam Á hướng Đông Bắc - Tây Nam.
- B. Đông Nam Á hướng Đông Bắc - Tây Nam và Nam Á hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- C. Đông Nam Á và Nam Á có cùng hướng Đông Bắc - Tây Nam.
- D. Đông Nam Á và Nam Á có cùng hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 12. Về mùa hạ ở châu Á có trung tâm áp thấp:

- A. Ai-xơ-len.
- B. Ô-xtrây-li-a.
- C. Ha-oai.
- D. I-ran.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm).

Lược đồ tự nhiên khu vực Đông Á

Dựa vào kiến thức đã học và lược đồ sau: (chưa có lược đồ)

Trình bày đặc điểm địa hình khu vực Đông Á.

Hãy phân biệt sự khác nhau về khí hậu giữa các phần của khu vực Đông Á. Điều kiện khí hậu đó ảnh hưởng đến cảnh quan như thế nào?

Câu 2 (4,0 điểm).

Trình bày các đặc điểm của sông ngòi và các đới cảnh quan tự nhiên ở châu Á.

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1 - D	2 - C	3 - D	4 - A	5 - A	6 - C
7 - A	8 - A	9 - B	10 - D	11 - C	12 - D

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1.

Đặc điểm địa hình:

Tây đất liền: Núi và sơn nguyên cao (Ki-ma-lay-a, Thiên Sơn, Sơn Nguyên Tây Tạng...), bồn địa rộng lớn (Ta-rim,...).

Đông đất liền: Núi thấp xen các đồng bằng rộng.

Hải đảo: Chủ yếu là núi (núi lửa).

Khí hậu và cảnh quan:

Tây đất liền: Quanh năm khô hạn, cảnh quan: Thảo nguyên khô, hoang mạc, bán hoang mạc.

Đông đất liền và hải đảo: Khí hậu gió mùa có lượng mưa lớn, cảnh quan: Chủ yếu là rừng (rừng cận nhiệt đới ẩm, rừng lá rộng...)

Câu 2.

Đặc điểm sông ngòi:

Mật độ sông ngòi dày đặc.

Phân bố không đều (Nơi nhiều sông lớn, nơi rất ít)

Chế độ nước rất phức tạp.

Lượng nước trong khu vực này càng về hạ lưu càng giảm.

Các sông có giá trị chủ yếu về thủy điện, các khu vực khác có vai trò cung cấp nước cho sản xuất, đời sống, khai thác thủy điện, giao thông, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Các đới cảnh quan tự nhiên:

Cảnh quan phân hoá đa dạng: 3 miền

Cảnh quan thuộc miền khí hậu lạnh: Rừng lá kim.

Cảnh quan thuộc miền khí hậu ẩm.

Cảnh quan thuộc miền khí hậu khô.

Rừng tự nhiên ngày nay còn rất ít.

6. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 6

TRƯỜNG THCS BẠCH ĐẰNG

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

- B. có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. sớm thực hiện cải cách, mở rộng quan hệ với các nước phương tây.
- D. có khí hậu thuận lợi, ít chịu thiên tai.

Câu 9. Cho bảng số liệu sau:

Bảng 9.1. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

Quốc gia	Cơ cấu GDP (%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm (%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	-0,4	33400,0	Cao
Cô-oét	-	58,0	41,8	1,7	19040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8861,0	Trung bình trên
Trung Quốc	15	52,0	33,0	7,3	911,0	Trung bình dưới
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp

Dựa vào bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng với nền kinh tế Nhật Bản?

- A. Nhật Bản là nước có mức thu nhập cao nhất.
- B. Cơ cấu GDP của ngành nông nghiệp của Nhật Bản chiếm tỉ trọng cao nhất.
- C. Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm của Nhật Bản luôn dương.
- D. Cơ cấu GDP của ngành công nghiệp của Nhật Bản chiếm tỉ trọng thấp nhất.

Câu 10. Dựa vào bảng số liệu 9.1, nhận xét nào sau đây em cho là đúng nhất với nền kinh tế Hàn Quốc?

- A. Ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất.
- B. Ngành nông nghiệp đóng góp phần lớn trong cơ cấu GDP.
- C. Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP
- D. Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm cao nhất trong các nước trên.

Câu 11. Dựa vào bảng số liệu 9.1, nhận xét nào sau đây em cho là đúng nhất với nền kinh tế Cô-oét?

- A. Là nước thu nhập cao chủ yếu từ ngành nông nghiệp
- B. Là nước thu nhập cao chủ yếu từ ngành công nghiệp.
- C. Ngành công nghiệp đóng góp trong cơ cấu GDP nhỏ nhất.
- D. Là nước có mức thu nhập trung bình trên.

Câu 12. Dựa vào bảng số liệu 9.1, nước có bình quân GDP đầu người cao nhất so với nước thấp nhất chênh nhau khoảng bao nhiêu lần?

- A. 105,3 lần B. 36,6 lần C. 3,8 lần D. 1,7 lần

II. Tự luận

Câu 13. (2 điểm) Nêu những đặc điểm nổi bật của địa hình châu Á?

Câu 14. (3 điểm) Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự phân bố lượng mưa không đồng đều ở khu vực Nam Á?

Câu 15. (1 điểm) Liên hệ kiến thức đã học, phân tích nguyên nhân dẫn đến gia tăng dân số châu Á?

Câu 16. (1 điểm) Gia tăng dân số tác động đến đời sống xã hội như thế nào? Theo bản thân em cần có những giải pháp nào để hạn chế sự gia tăng dân số?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI

I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu em cho là đúng nhất. (Mỗi câu 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	A	B	C	D	C	C	A	C	B	A

II. Tự luận (7 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 13 (2điểm)	Đặc điểm địa hình châu Á:	0,75
	- Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao và đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng lớn bậc nhất thế giới.	0,75
	- Các dãy núi chạy theo hai hướng chính: đông-tây hoặc gần đông – tây; bắc – nam hoặc gần bắc – nam làm cho địa hình bị chia cắt phức tạp. - Các núi và sơn nguyên cao tập chung chủ yếu ở vùng trung tâm. Trên đỉnh núi có bao hà bao phủ quanh năm.	0,5
Câu 14 (3điểm)	* Nguyên nhân lượng mưa phân bố không đều là do ảnh hưởng của địa hình:	
	- Phía bắc có dãy Hi-ma-lay-a chắn gió mùa tây nam, khiến mưa lớn sườn nam, và khô hạn ở sườn bắc.	1
	- Miền đồng Ấn-Hàng nằm giữa dãy Hi-ma-lay-a và sơn nguyên Đê-can tựa như một lòng máng đón gió tây nam gây mưa lớn ở vùng đồng bằng và vùng chân núi tây bắc.	1
	- Dãy núi Gát Tây chắn gió mùa tây nam nên vùng biển phía Tây Ấn độ mưa lớn hơn vùng sơn nguyên Đê-can.	1
Câu 15 (1điểm)	* Nguyên nhân dẫn đến gia tăng dân số châu Á: - Sự tiến bộ về ý tế, chất lượng cuộc sống được nâng cao dẫn đến tỉ lệ tử giảm, tỉ lệ sinh cao.	0,25

	- Số người trong độ tuổi sinh đẻ cao. - Một số quốc gia chưa thực hiện tốt chính sách về dân số. - Người dân châu Á có tư tưởng gia đình đông con.	0,25 0,25 0,25
Câu 16 (1điểm)	* Gia tăng dân số tác động đến đời sống xã hội: (HS nêu được các tác động sau: Tác động đến tài nguyên môi trường; Tạo sức ép về phát triển kinh tế; Tác động đến ăn ở mặc, giáo dục, y tế...) * Giải pháp nào để hạn chế sự gia tăng dân số: (HS có thể liên hệ về các giải pháp sau: Thực hiện chính sách về dân số; Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế; Thường xuyên tuyên truyền vận động người dân xóa bỏ tư tưởng về gia đình đông con, các phong tục lạc hậu)	0,5 0,5

7. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 7

TRƯỜNG THCS HOÀN HOA THÁM

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

I. Phần trắc nghiệm (4 điểm):

Mỗi ý đúng được 0.25điểm.

Câu 1: Phần đất liền Châu Á tiếp giáp châu lục nào sau đây?

- A. Châu Âu. B. Châu Phi. C. Châu Đại Dương. D. Cả A và B.

Câu 2: Phần đất liền châu Á không tiếp giáp đại dương nào sau đây?

- A. Thái Bình Dương. B. Bắc Băng Dương.
C. Đại Tây Dương. D. Ấn Độ Dương.

Câu 3: Khí hậu Châu Á phân hoá đa dạng từ Bắc đến Nam là do:

- A. Lãnh thổ kéo dài. B. Kích thước rộng lớn.
C. Địa hình núi ngăn cản sự ảnh hưởng của biển. D. Tất cả các ý trên.

Câu 4: Những nước nào sau đây xuất khẩu lương thực (lúa gạo) nhiều nhất thế giới?

- A. Thái Lan, Việt Nam B. Trung Quốc, Ấn Độ
C. Nga, Mông Cổ D. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.

Câu 5: Đới khí hậu chia thành nhiều kiểu đới nhất ở Châu Á là:

- A. Cực và cận cực. B. Khí hậu cận nhiệt
C. Khí hậu ôn đới D. Khí hậu nhiệt đới.

Câu 6: Khu vực có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn là:

- A. Nam Á B. Đông Nam Á
C. Đông Á D. Cả ba khu vực trên.

Câu 7: Dân số Châu Á chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số thế giới?

- A. 55% B. 61% C. 69% D. 72%

Câu 8: Chủng tộc Môn-gô-lô-ít phân bố chủ yếu ở khu vực nào của Châu Á?

- A. Tây Nam Á, Trung Á, Nam Á B. Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á
C. Cả a,b đều đúng D. Cả a,b đều sai.

Câu 9: Ở khu vực Nam Á là nơi phân bố chính của tôn giáo:

- A. Ấn Độ giáo B. Phật giáo
C. Thiên Chúa giáo D. Ki tô giáo..

Câu 10: Quốc gia nào sau đây không được coi là nước công nghiệp mới?

- A. Hàn Quốc B. Đài Loan
C. Thái Lan D. Xing-ga-po.

Câu 11: Các nước đế quốc luôn muốn gây ảnh hưởng đến khu vực Tây Nam Á là vì:

- A. Nằm trên đường giao thông quốc tế B. Ngã ba của ba châu lục
C. Nguồn khoáng sản phong phú D. Cả ba ý trên.

Câu 12: Khu vực Nam Á được chia thành các miền địa hình khác nhau:

- A. 2 miền B. 3 miền C. 4 miền D. 5 miền.

Câu 13: Dân cư các nước Tây Nam Á chủ yếu theo tôn giáo nào?

- A. Ấn Độ giáo B. Hồi giáo
C. Thiên Chúa giáo, Phật giáo D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 14: Những nước nào sau đây không nằm trong vùng lãnh thổ Đông Á?

- A. Trung Quốc, Nhật Bản B. Hàn Quốc, Triều Tiên
C. Việt Nam, Mông Cổ D. Đài Loan.

Câu 15: Khí hậu phía Tây khu vực Đông Á là:

- A. Nhiệt đới B. Ôn đới
C. Cận Nhiệt lục địa D. Nhiệt đới gió mùa.

Câu 16: Những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc là:

- A. Nông nghiệp phát triển, giải quyết tốt lương thực cho người dân
B. Công nghiệp hoàn chỉnh, hiện đại
C. Tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định
D. Tất cả các ý trên.

II. Phần tự luận (6 điểm):

Câu 1: Hãy nêu đặc điểm địa hình châu Á? Lấy ví dụ để chứng minh cho từng đặc điểm? (1,5 điểm)

Câu 2: Vì sao khí hậu Châu Á phân hóa phức tạp và đa dạng? Châu Á chủ yếu là các kiểu khí hậu nào? Nêu đặc điểm từng kiểu? Việt Nam ta thuộc kiểu khí hậu nào? (3 điểm)

Câu 3: Cho bảng số liệu sau: (1,5 điểm)

Lượng mưa và lưu lượng dòng chảy theo các tháng trong năm tại lưu vực Sông Hồng (Trạm Sơn Tây)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	19,5	26,5	34,5	104,2	222	262,8	315,7	335,2	271,9	170,1	59,9	17,8
Lưu lượng	1318	1100	914	1071	1893	4692	7986	9246	6690	4122	2813	1746

a. Vẽ biểu đồ thể hiện lượng mưa và lưu lượng dòng chảy theo các tháng trong năm tại lưu vực Sông Hồng (Trạm Sơn Tây).

b. Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét.

ĐÁP ÁN**I. Phần trắc nghiệm (4 điểm).**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
	D	C	D	A	B	A	B	B
Đ/A	9	10	11	12	13	14	15	16
	A	B	D	B	B	C	C	D

II. Phần tự luận (6 điểm):

CÂU	NỘI DUNG ĐÁP ÁN	ĐIỂM
CÂU 1 1.5đ	- Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ vào bậc nhất thế giới. VD: dãy Hy-ma-lay-a; Dãy Côn-Luân; Sơn nguyên Tây Tạng; Pa- Mia...	0,5
	- Có nhiều đồng bằng châu thổ rộng lớn nằm xen kẽ giữa núi và cao nguyên. VD: Đồng bằng Hoa Bắc; Hoa Trung; Đồng bằng Ấn- Hằng...	0,5
	- Địa hình chạy theo 2 hướng chính: Đông-Tây; Bắc -Nam	0,5
CÂU 2 3đ	* Vì sao:	
	- Châu Á có kích thước khổng lồ. - Lãnh thổ châu Á trải dài từ cực Bắc tới xích đạo.	0,25 0,25

	- Châu Á có nhiều hệ thống núi và cao nguyên bao bọc ngăn chặn sự ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền. * Các kiểu khí hậu chủ yếu: Khí hậu gió mùa, Khí hậu lục địa. * Đặc điểm: - Khí hậu gió mùa: 1 năm chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa đông lạnh và khô. Mùa nóng và có mưa nhiều. - Khí hậu lục địa: Mùa đông lạnh và khô. Mùa hạ khô và nóng, có mưa nhưng lượng mưa không đáng kể. * Nước ta thuộc khu vực khí hậu gió mùa.	0,25 0,5 0,5 0,5 0,75
CÂU 3 1.5đ	a, Vẽ biểu đồ: - Loại biểu đồ: cột, đường kết hợp. + Cột thể hiện lượng mưa. + Đường thể hiện lưu lượng. - Tên biểu đồ. - Chú giải. Vẽ chính xác có ghi tên, ghi chú biểu đồ- thiếu mỗi ý trừ 0,25 b. Nhận xét - Lượng mưa trung bình tháng : Trạm Sơn Tây : 153,3 mm - Lưu lượng trung bình tháng: Sông Hồng : 3632 m ³ /s Nhận xét mối quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ - Các tháng mùa lũ trùng với mùa mưa sông Hồng : 6, 7, 8, 9 - Các tháng mùa lũ trùng với mùa mưa sông Hồng: 5, 10 => Mưa lũ hoàn toàn không trùng khớp với mùa mưa do : Mưa, độ che phủ rừng , hệ số thấm của đất đá, hình dạng mạng lưới sông, hồ chứa nước.	1 0,5

8. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 8

TRƯỜNG THCS NGÔ TẤT TỐ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

I/ Trắc nghiệm: Chọn đáp án đúng nhất trong các phương án trả lời sau.

Câu 1: Châu Á tiếp giáp với ba đại dương là:

- A. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.
- B. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương, Đại Tây Dương.
- C. Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Địa Trung Hải.
- D. Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương.

Câu 2: Nguồn dầu mỏ, khí đốt của châu Á chủ yếu tập trung ở khu vực

- A. Đông Nam Á B. Nam Á C. Tây Nam Á D. Đông Á

Câu 3: Các hệ thống núi và cao nguyên của châu Á tập trung chủ yếu ở vùng

A. Rìa lục địa B. Trung tâm lục địa C. Ven biển D. Ven đại dương

Câu 4: Châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu

A. khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa. C. xích đạo.
B. cận nhiệt núi cao. D. cận cực và cực.

Câu 5: Đâu là nước có nền kinh tế phát – xã hội triển toàn diện nhất châu Á

A: Trung Quốc B: Ấn Độ C: Hàn Quốc D: Nhật Bản

Câu 6: Đâu là nước có sản lượng lúa gạo lớn nhất ở châu Á

A: Trung Quốc B: Ấn Độ C: Hàn Quốc D: Nhật Bản

II/ Tự luận:

Câu 1: Vì sao cảnh quan châu Á có sự phân hóa đa dạng?

Câu 2: Dựa vào bảng một số tiêu chí kinh tế - xã hội các nước Châu Á năm 2001

Quốc Gia	Cơ cấu GDP (%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm(%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	-0,4	33 400	Cao
Cô-ôét	-	58,0	41,8	1,7	19 040	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8 861	Trung bình trên
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317	Thấp

a. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện mức thu nhập bình quân đầu người (GDP/người) của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào.

b. Nhận xét sự khác biệt nền kinh tế của các nước trên.

ĐÁP ÁN

I/ Trắc nghiệm (3,0 điểm).

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	B	A	D	A

II/ Tự luận (7,0 điểm).

Câu	Nội dung	Điểm
-----	----------	------

1	- Giải thích: + Do lãnh thổ rộng lớn trải dài từ vùng cực bắc đến vùng xích đạo, chiều dài (cực bắc xuống cực nam) 8500km, chiều rộng (cực đông sang cực tây) 9200km; nhiều đồi núi ... + Khí hậu phân hóa đa dạng, có nhiều đới, nhiều kiểu khí hậu khác nhau...	1,0 đ 2,0 đ
	a. Vẽ biểu đồ hình cột (yêu cầu chính xác, thẩm mỹ, đủ thông tin yêu cầu: chú thích, tên biểu đồ ...). b. Nhận xét: - Nhật Bản là nước có nền kinh tế phát triển toàn diện, GDP đứng đầu. - Hàn Quốc là nước công nghiệp mới, dịch vụ phát triển. - Lào có GDP thấp, là nước chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp ...	2,0 đ 1,0 đ 1,0 đ

9. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 9

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1. (2,5 điểm)

Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ, XÃ HỘI Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ NĂM 1999

Tiêu chí	Đơn vị tính	Đông Bắc	Tây Bắc	Cả nước
Mật độ dân số	Người/km ²	136	63	233
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên	%	1,3	2,2	1,4
Tỉ lệ hộ nghèo	%	17,1		13,3
Thu nhập bình quân đầu người một tháng	Nghìn đồng	210,1		295,0
Tỉ lệ người lớn biết chữ	%	89,3	73,3	90,3
Tuổi thọ trung bình	Năm	68,2	65,9	70,9

Tỉ lệ dân số thành thị	%	17,3	12,9	23,6
------------------------	---	------	------	------

- a) So sánh các chỉ số về dân cư, xã hội của Trung du và miền núi Bắc Bộ với cả nước.
b) Nhận xét sự chênh lệch về dân cư, xã hội của hai tiểu vùng Đông Bắc, Tây Bắc.

Câu 2. (2 điểm)

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đồng bằng sông Hồng có thuận lợi, khó khăn gì cho phát triển kinh tế?

Câu 3. (2 điểm)

Hãy cho biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của Bắc Trung Bộ và ý nghĩa của chúng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 4. (1,5 điểm)

Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam, cho biết:

- a) Duyên hải Nam Trung Bộ có các trung tâm công nghiệp nào? Những trung tâm nào lớn hơn cả?
b) Cơ cấu công nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm gì? Nêu tên các ngành công nghiệp phát triển mạnh của vùng.

Câu 5. (2 điểm)

Vì sao nói Tây Nguyên có thế mạnh về du lịch?

ĐÁP ÁN

Câu 1. (2,5 điểm)

a) So với cả nước, Trung du và miền núi Bắc Bộ có tỉ lệ hộ nghèo cao hơn nhiều, GDP/người bằng một nửa, tỉ lệ người lớn biết chữ, tuổi thọ trung bình, tỉ lệ dân số thành thị thấp hơn.

b) So sánh Đông Bắc với Tây Bắc:

- Khu vực Tây Bắc có nhiều chỉ số thấp hơn Đông Bắc: GDP/người, tỉ lệ người lớn biết chữ, tuổi thọ trung bình, tỉ lệ dân số thành thị.
- Chỉ tiêu của Tây Bắc cao hơn Đông Bắc là tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số.

Câu 2. (2 điểm)

- Thuận lợi:
 - + Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.
 - + Thời tiết mùa đông thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh.
 - + Một số khoáng sản có giá trị đáng kể: đá, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.
 - + Vùng ven biển và biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch.
- Khó khăn: thiên tai (bão, lũ lụt, thời tiết thất thường), ít tài nguyên khoáng sản.

Câu 3. (2 điểm)

- Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ: lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang, giáp Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Lào, Biển Đông.

- Ý nghĩa của vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ: cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam, cửa ngõ của các nước láng giềng ra Biển Đông và ngược lại, cửa ngõ hành lang đông - tây của Tiểu vùng sông Mê Công, có khả năng phát triển kinh tế đa ngành.

Câu 4. (1,5 điểm)

a) Các trung tâm công nghiệp: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết. Các trung tâm lớn: Đà Nẵng, Nha Trang.

b) Cơ cấu công nghiệp khá đa dạng. Các ngành công nghiệp phát triển mạnh: chế biến nông sản, dệt may, cơ khí, sản xuất giấy,...

Câu 5. (2 điểm)

- Tây Nguyên giàu tiềm năng phát triển du lịch: khí hậu cận xích đạo có sự phân hóa theo độ cao địa hình, khí hậu ở các cao nguyên cao mát mẻ kết hợp với thiên nhiên phong cảnh đẹp của thành phố Đà Lạt, hồ Lắk, Biển Hồ, núi Lang Biang huyền thoại, các vườn quốc gia tạo nên thế mạnh phát triển du lịch sinh thái.

- Tây Nguyên là địa bàn cư trú của nhiều thành phần dân tộc Gia-rai, Ê-đê, Ba-na, Mnông, Cơ-ho,... có truyền thống đoàn kết, có bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú và góp phần tạo ra các sản phẩm du lịch phong phú.

- Vùng có nhiều thành phố là những trung tâm du lịch nổi tiếng: Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Plây Ku,...

10. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 8 – Số 10

TRƯỜNG THCS LÝ THÁI TỐ

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 8

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1. (2 điểm)

Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam, cho biết tên các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, các trung tâm công nghiệp luyện kim, cơ khí, hóa chất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 2. (2 điểm)

Đồng bằng sông Hồng có thuận lợi gì về dân cư, xã hội?

Câu 3. (2 điểm)

Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây và kiến thức đã học, nhận xét về sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người, năng suất lúa cả năm của Bắc Trung Bộ so với cả nước. Giải thích vì sao?

NĂNG SUẤT LÚA VÀ LƯƠNG THỰC CÓ HẠT BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI, GIAI ĐOẠN 1995 -2005

Tiêu chí	Cả nước		Bắc Trung Bộ	
	1995	2005	1995	2005
Lương thực có hạt bình quân đầu người (kg/người)	363,1	476,8	235,5	348,1

Năng suất lúa cả năm (tạ/ha)	36,9	48,9	31,4	47,0
------------------------------	------	------	------	------

Câu 4. (2 điểm)

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung gồm những tỉnh, thành phố nào? Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Câu 5. (2 điểm)

Tây Nguyên có những khó khăn gì về tự nhiên, dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế?

ĐÁP ÁN**Câu 1.**

- a) Nhà máy nhiệt điện: Uông Bí, Na Dương.
- b) Các nhà máy thủy điện: Thác Bà, Hòa Bình, Tuyên Quang, Nậm Mu, Sơn La.
- c) Trung tâm công nghiệp luyện kim: Thái Nguyên.
- d) Trung tâm công nghiệp cơ khí: Thái Nguyên, Hạ Long.
- e) Trung tâm hóa chất: Bắc Giang, Việt Trì.

Câu 2.

Thuận lợi về dân cư, xã hội của Đồng bằng sông Hồng:

- Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.
- Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kĩ thuật.
- Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.
- Có một số đô thị được hình thành từ lâu đời là Thủ đô Hà Nội và Hải Phòng.

Câu 3.

a) Nhận xét: Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người và năng suất lúa cả năm của Bắc Trung Bộ đều thấp hơn cả nước.

b) Giải thích

Vùng Bắc Trung Bộ:

- Đồng bằng nhỏ hẹp, đất cát pha là chủ yếu, ít thuận lợi cho trồng cây lương thực có hạt.
- Thiên tai thường xuyên xảy ra (bão, lũ lụt, gió phơn tây nam khô nóng...).
- Tỷ lệ gia tăng tự nhiên dân số còn cao hơn cả nước.

Câu 4. (2 điểm)

- Các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

- Vai trò:

- + Tác động mạnh tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.
- + Là trọng điểm thu hút đầu tư trong nước và quốc tế.
- + Góp phần giải quyết việc làm cho vùng và các vùng lân cận...

Câu 5. (2 điểm)

Khó khăn của Tây Nguyên:

- Mùa khô kéo dài gây thiếu nước nghiêm trọng cho cả sản xuất và sinh hoạt.
- Hiện tượng chặt phá rừng bừa bãi trước đây để lại hậu quả xấu về môi trường. Mùa khô nguy cơ cháy rừng cao.
- Nhìn chung trình độ dân trí còn thấp, tỉ lệ hộ nghèo cao.
- Cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng còn nhiều hạn chế

www.eLib.vn